

Bản án số: 139/2021/HS-PT
Ngày: 10-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh
Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 647/2020/HSPT ngày 02 tháng 11 năm 2020. Do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn G, bị cáo Đoàn Quang Duy T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đỗ Văn G**, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2002 tại tỉnh Quảng Trị; thường trú: Thôn Bích Khê, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông: Đỗ Thiên T và bà Văn Thị H; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 18/02/2020 đến ngày 28/02/2020 chuyển tạm giam (có mặt).

2. **Đoàn Quang Duy T**, sinh năm 1992 tại tỉnh Quảng Trị; thường trú: Thôn Trà Liên Đông, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông: Đoàn Quang Đ; con bà Bùi Thị D; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 18/02/2020 đến ngày 28/02/2020 chuyển tạm giam (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Văn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

Thường trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

(Trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa P thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019, Đỗ Văn G đến một tiệm Internet trên địa bàn thị xã Q, tỉnh Quảng Trị để chơi game và quen biết với đối tượng tên là B (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*). Lúc này B nói với G tìm tài khoản ngân hàng để nhận tiền có được do B thực hiện hành vi lừa đảo của người khác bằng hình thức chiếm đoạt tài khoản facebook, nhắn tin cho các tài khoản facebook khác hỏi vay tiền, sau đó chuyển tiền vào các tài khoản mà G cung cấp, G rút tiền đưa lại cho B, B chia cho G 35% số tiền có được, G đồng ý. Đến khoảng tháng 8/2019, G tình cờ gặp và quen biết với Đoàn Quang Duy T, G nói với T tìm tài khoản ngân hàng để nhận tiền có được qua việc lừa đảo mà có. Sau khi tiền vào tài khoản T rút ra đưa cho G, G chia lại cho T 20%, T đồng ý.

Khoảng đầu tháng 10/2019, thông qua mạng xã hội T đặt mua một số tài khoản ngân hàng trên mạng xã hội facebook mang tên Đặng Quốc P với giá 2.000.000 đồng/tài khoản, gồm: tài khoản ngân hàng BIDV số 2171000052677 mang tên Trần Quang Đ; tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035014919014 mang tên Lê Bá Thành Đ; tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035014940013 mang tên Trần Đ V; tài khoản ngân hàng Sacombank số 020083063875 mang tên Đặng Quốc P; tài khoản ngân hàng Techcombank số 020083063875, mang tên Đặng Quốc P; tài khoản ngân hàng Sacombank số 020083068400 mang tên Nguyễn Văn A; tài khoản ngân hàng Sacombank số 020083251981 mang tên Lê Thế H; tài khoản ngân hàng Sacombank số 020084244301 mang tên Nguyễn Chí L; tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034174007015, số 19034174007023, số 19034174007031 mang tên Nguyễn Trọng Việt A. Từ số tài khoản mang tên Nguyễn Chí L, T còn làm lêm tài khoản số 020084498514; từ tài khoản mang tên Nguyễn Trọng Việt A, T làm thêm các tài khoản số 19034174007023, 19034174007031, 19034174007041; T đăng ký 02 Ví điện tử Mono và VTC Pay bằng số điện thoại 0984450474; mua 02 sim điện thoại số 0364609154 để đăng ký dịch vụ Internetbanking cho tài khoản ngân hàng mang tên Lê Bá Thành Đ và số 0896217053 đăng ký dịch vụ Internetbanking cho tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Trọng Việt A. Sau khi nhận được các tài khoản trên T thông báo số tài khoản mang tên Lê Bá Thành Đ; Nguyễn Trọng Việt A (*02 số tài khoản đã đăng ký dịch vụ internetbanking*) Trần Quang Đ, Trần Đ V, Nguyễn Văn A, Lê Thế H, Nguyễn Chí L cho G, G đưa lại cho B.

Khoảng 9 giờ 18 phút, ngày 30/10/2019, chị Phạm Thị Mai H nhận được tin nhắn từ tài khoản mạng xã hội facebook mang tên “Hoàng S” (*đây là tài khoản facebook của anh Bùi Ngọc S, sinh năm 1979, chồng của chị H*) với nội dung hỏi mượn chị H số tiền 40.000.000 đồng và nói chị H chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035014919014 mang tên Lê Bá Thành Đ, chị H đồng ý. Sau đó, chị H đã 02 lần chuyển vào tài khoản này số tiền 18.000.000 đồng và 22.000.000 đồng. Cũng khoảng thời gian trên, chị Lê Thị X nhận được tin nhắn từ facebook mang tên “Hoàng S” hỏi chị X mượn số tiền 25.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035014919014 mang tên Lê Bá Thành Đ. Do chị X biết được facebook này là của anh Bùi Ngọc S. Nghĩ anh S có việc cần nên không gọi điện thoại hỏi lại mà chuyển tiền vào số tài khoản trên. Cũng với hình thức này, chị Trần Thị P cũng nhờ bạn là chị Lương Thị H chuyển vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035014919014 mang tên Lê Bá Thành Đ với số tiền 25.000.000 đồng sau khi nhận được tin nhắn mượn tiền từ facebook mang tên “Hoàng S”. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, chị H, chị X và chị P biết được facebook của anh S đã bị đối tượng không rõ nhân thân lai lịch đánh cắp và sử dụng facebook này để chiếm đoạt tiền của chị H, chị X và chị P. Còn đối với T và G, sau khi được B thông báo tiền đã chuyển vào tài khoản Lê Bá Thành Đ, G gọi điện thoại thông báo cho T, T kiểm tra, xác nhận. Đến khoảng 17 giờ ngày 30/10/2019, T rút tiền mặt 90.000.000 đồng rồi hẹn gặp G trên đường gần cầu H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đưa cho G 72.000.000 đồng, T lấy 18.000.000 đồng; số tiền 72.000.000 đồng này G đưa cho B 58.500.000 đồng, G lấy số tiền 13.500.000 đồng.

Quá trình điều tra làm rõ, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 02/2020, B, Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của một số trường hợp khác. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 29/10/2019, chị Hồ Thị Như T nhận được tin nhắn từ tài khoản mạng xã hội facebook tên “ T Anh”, là tài khoản của chị Nguyễn A, với nội dung hỏi chị T cho chị A mượn số tiền 15.000.000 đồng hẹn đến 17 giờ cùng ngày trả lại. Chị T đồng ý, sau đó tài khoản facebook này nhắn tin cho chị T tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035014919014, mang tên Lê Bá Thành Đ để chị T chuyển tiền, lúc sau chị T chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào số tài khoản này. Sau khi biết được tiền đã vào tài khoản, B thông báo cho G, G thông báo cho T, T kiểm tra và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Trần Quang Đ, tiếp tục chuyển qua tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên Đặng Quốc Pg, sau đó rút tiền mặt đưa cho G số tiền 12.000.000 đồng; T lấy 3.000.000 đồng. Số tiền 12.000.000 đồng, G đưa cho B 9.750.000 đồng; G lấy 2.250.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 8 giờ ngày 15/02/2020, chị Phạm N nhận được tin nhắn từ mạng xã hội facebook mang tên “Phạm Nguyen Yen H” với nội dung hỏi mượn chị NgU số tiền 35.000.000 đồng (*tài khoản facebook Phạm Nguyen Yen H đã bị B đánh cắp lừa chị N để chiếm đoạt tiền*). Chị N đồng ý và chuyển số tiền 35.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank, số

19034174007031, mang tên Nguyễn Trọng Việt A do tài khoản facebook Yên H cung cấp. Đến khoảng 8 giờ 45 phút cùng ngày, anh Hà Anh T cũng nhận được tin nhắn từ tài khoản facebook này hỏi mượn 02 lần với tổng số tiền 55.000.000 đồng. Anh T biết đây là tài khoản facebook của Yên H là bạn của anh T, không nghi ngờ gì nên anh T gọi điện thoại cho vợ anh T là chị Trần Thị Kim C chuyển vào tài khoản trên do facebook Yên H cung cấp. Còn đối với G sau khi được B thông báo đã có tiền, G gọi điện thoại cho T, T kiểm tra và tiếp tục chuyển tổng số tiền 90.000.000 đồng (*chị NgU 35.000.000 đồng; anh T 55.000.000 đồng*) từ tài khoản ngân hàng Techcombank, số 19034174007031, mang tên Nguyễn Trọng Việt A chuyển vào tài khoản mobile số 0914783776 của tài khoản ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Trọng Việt A, tiếp tục chuyển qua tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên Nguyễn Chí Linh, sau đó T rút tiền mặt đưa cho G 67.500.000 đồng, T lấy 22.500.000 đồng; G đưa cho B số tiền 58.500.000 đồng, G lấy 9.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ 05 phút ngày 17/02/2020, chị Phan Mai Khánh U nhận được tin nhắn từ tài khoản facebook “Tu Uyen Truong” (*là tài khoản facebook của chị Trương T U, bạn của chị Khánh U*) hỏi chị U mượn số tiền 25.000.000 đồng, đến 14 giờ cùng ngày trả lại (*tài khoản facebook Tu Uyen Truong đã bị B đánh cắp để lừa tiền chị Khánh U*). Do tài khoản chỉ còn 10.000.000 đồng nên chị U chuyển vào số tài khoản mang tên Nguyễn Trọng Việt A do tài khoản Facebook “Tu Uyen Truong” cung cấp. Số tiền này T chưa rút ra đưa cho G thì bị phát hiện và bắt giữ.

Ngoài việc cùng với Đỗ Văn G lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người trên, Đoàn Quang Duy T còn cùng với Nhỏ (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) cũng bằng hình thức trên chiếm đoạt số tiền 33.000.000 đồng của anh Nguyễn Đ T, trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, cụ thể như sau: Khoảng đầu tháng 02 năm 2020, Đoàn Quang Duy T cung cấp số tài khoản ngân hàng Techcom bank số 19034174007031 cho đối tượng tên Nhỏ mục đích để nhận tiền gửi vào bằng cách lừa đảo người khác. Trước khi gửi tài khoản ngân hàng này, T và Nhỏ thỏa thuận số tiền có được Nhỏ chia cho T 25%. Khoảng 8 giờ ngày 18/02/2020, facebook của anh Đ T là “Tuân U” nhận được tin nhắn từ facebook “T”, là con gái của anh T (Nguyễn Thị Hoài), hiện đang thực tập sinh tại Nhật Bản với nội dung nhờ anh T gửi số tiền 33.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank, chi nhánh Hà Nội, số tài khoản 19034174007031, mang tên Nguyễn Trọng Việt A là tài khoản người nhà của một người bạn của Hoài hiện đang ở bên Nhật. Hoài nói với anh T, Hoài đã nhận tiền của người bạn này (*33.000.000 đồng Việt Nam tương đương 18 Man*). Thấy vậy, anh T đến Ngân hàng chuyển số tiền 33.000.000 đồng vào số tài khoản trên. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh T mới biết facebook của Hoài đã bị người khác đánh cắp rồi sử dụng để lừa tiền của anh T. Còn đối với T, khoảng 9 giờ ngày 18/02/2020, facebook của T nhận được tin nhắn từ facebook “Lê Đồi Tên” hình chụp giấy nộp tên của anh Nguyễn Đ T nộp vào tài khoản Nguyễn Trọng Việt A số tiền 33.000.000 đồng. Lúc này T biết là do Nhỏ lừa người khác mà có, T chưa kịp rút tiền đưa lại cho Nhỏ.

Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người bị hại trên, Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T còn có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 17/02/2020, chị Hoàng Phạm Ngọc S là nhân viên của Công ty Korea Leaders được bộ phận tư vấn khách hàng thông báo có một khách hàng yêu cầu cung cấp tài khoản internetbanking để đặt cọc tiền mua mỹ phẩm và đưa số điện thoại cho chị S. Sau đó, chị S gọi điện thoại liên lạc với một người đàn ông, người này tự xưng là nhân viên của dịch vụ chuyển tiền Western Union, hướng dẫn chị S cung cấp tài khoản Internet Banking, đăng nhập theo đường link: [western union-tractuyenquocte.weebly.com](http://westernunion-tractuyenquocte.weebly.com), nhập các thông tin tài khoản, mật khẩu. Chị S làm theo hướng dẫn, rồi sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0511000398680 của mình và cung cấp mã OTP cho người đàn ông này. Sau đó người này thông báo với chị S là tài khoản này bị lỗi, yêu cầu chị S cung cấp tài khoản khác. Không nghi ngờ gì, chị S tiếp tục nhờ chị Phạm PH C cung cấp tài khoản cho người này. Chị C đồng ý, sau đó chị C cũng được hướng dẫn các bước như chị S. Sau khi chị C vừa cung cấp mã OTP thì tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0181003531296 của chị C còn số tiền 3.700.000 đồng đã chuyển vào tài khoản mang tên Nguyễn Trọng Việt A, tài khoản của chị S còn số tiền 6.200.000 đồng cũng chuyển vào tài khoản mang tên Nguyễn Trọng Việt A. Số tiền trên là do P thực hiện hành vi sử dụng thông tin tài khoản của chị S và chị C để chiếm đoạt tiền của chị S, chị Châu. Hành vi này của P, G và T không biết. Đến khi tiền vào tài khoản, P nói G kiểm tra và nhờ G rút tiền ra sẽ chia cho G 25% số tiền có được. Lúc này G mới biết là số tiền có được là do P thực hiện hành vi phạm tội mà có (*trước đó P là người hỏi mượn số tài khoản ngân hàng từ G, G không biết mục đích P mượn để làm gì và cũng không biết cách thức mà P chiếm đoạt tiền của người khác như thế nào*). G thông báo lại cho T nhưng T chưa rút tiền đưa lại cho G.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 17/02/2020, chị Trần Thị Bích T nhận được tin nhắn từ tài khoản facebook tên “H” đặt mua bộ mỹ phẩm giá 1.400.000 đồng và yêu cầu gửi cho người thân tại TP. Hồ Chí Minh. Để thanh toán tiền cho chị T, người này nói với chị T là đang ở nước ngoài, yêu cầu chị T cung cấp số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền từ nước ngoài về. Tin tưởng chị T nhắn số tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0121001473933 của mình cho tài khoản facebook tên “H”. Khoảng 15 phút sau, chị T nhận được tin nhắn từ số điện thoại 0944064795 với nội dung: “tài khoản Vietcombank nhận được số tiền 1.400.000 đồng, truy cập để xác nhận tiền vào tài khoản tại [http://western union-tractuyenquocte.weebly.com](http://westernunion-tractuyenquocte.weebly.com)”. Đồng thời yêu cầu chị T xác nhận đường link. Chị T truy cập vào đường link, đăng nhập tài khoản ngân hàng và mật khẩu, cung cấp mã OTP cho người này. Sau đó tiền từ tài khoản của chị T 50.000.000 đồng đã chuyển S tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Trọng Việt A. Số tiền này do Q (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) thực hiện hành vi sử dụng thông tin tài khoản của chị T để chiếm đoạt tiền của chị T. Trước khi Q thực hiện hành vi này, G và T không biết. Đến khi tiền vào tài khoản, Q nhờ G rút ra sẽ chia cho G 25%, lúc này G mới biết số tiền có được vào tài khoản là do Q thực hiện hành vi

phạm tội mà có (*trước đó, Q hỏi mượn tài khoản của G, G không biết mục đích của Q mượn để làm gì cũng không biết cách thức mà P chiếm đoạt tiền của người khác như thế nào*). G thông báo lại cho T, T chưa rút tiền đưa lại cho G.

Như vậy, tổng số tiền mà Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T cùng với đối tượng B (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) lừa đảo chiếm đoạt của những người bị hại là 205.000.000 đồng, trong đó của chị Hồ Thị Như T 15.000.000 đồng; chị Phạm Thị Mai H 40.000.000 đồng; chị Lê Thị X 25.000.000 đồng; chị Trần Thị P 25.000.000 đồng; Phan Mai Khánh U 10.000.000 đồng; chị Phạm T NgU 35.000.000 đồng và anh Hà Anh T 55.000.000 đồng. Riêng đối với T còn cùng với đối tượng tên Nhỏ (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) lừa đảo chiếm đoạt số tiền 33.000.000 đồng của anh Nguyễn Đ T. Tổng số tiền mà G và T thực hiện hành tiêu thụ tài sản do đối tượng P, Q (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) phạm tội mà có với tổng số tiền là 59.900.000 đồng, trong đó của chị Hoàng Phạm Ngọc S 6.200.000 đồng; chị Phạm Thị C 3.700.000 đồng và chị Trần Thị Bích T 50.000.000 đồng.

Cáo trạng số 59/CTr-VKS-P2 ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tU xử:

1. TU bố bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Văn G 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đoàn Quang Duy T 07 (*bảy*) năm 03 (*ba*) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Đỗ Văn G 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Đoàn Quang Duy T 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Đỗ Văn G phải chấp hành hình phạt chung là 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp 18/02/2020.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Đoàn Quang Duy T phải chấp hành hình phạt chung là

08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp 18/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS

Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới trả lại số tiền 195.000.000 đồng cho những người bị hại được khấu trừ số tiền 90.000.000 đồng (đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông (theo giấy ủy nhiệm chi ngày 10/9/2020 của Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông) mà gia đình các bị cáo G và T đã nộp (G 45.000.000 đồng; T 45.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới bồi thường cho chị Hồ Thị Như T 15.000.000 đồng; được khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng được trong tổng số tiền 90.000.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đỗ Văn G và bị cáo Đoàn Quang Duy T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị T số tiền 3.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị Mai H 40.000.000 đồng được khấu trừ 18.000.000 trong tổng số tiền 90.000.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đỗ Văn G và bị cáo T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị H số tiền 11.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới bồi thường cho chị Lê Thị X 25.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 12.000.000 đồng trong tổng số tiền 90.000.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đỗ Văn G và bị cáo T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị X số tiền 6.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Ngọc S (anh S đã trả cho chị P) 25.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 12.000.000 đồng trong tổng số tiền số tiền 90.000.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đỗ Văn G và bị cáo T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh S số tiền 6.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới bồi thường cho chị Phạm T NgU 35.000.000 đồng được khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng trong tổng số tiền 90.000.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đỗ Văn G và bị cáo T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị NgU số tiền 9.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T phải liên đới bồi thường cho anh Hà Anh T 55.000.000 đồng được khấu trừ số tiền 25.000.000 đồng trong tổng số tiền 90.000.000 đồng đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông; bị cáo Đỗ Văn G và bị cáo T mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh T số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tU các bị cáo về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2020, bị cáo Đỗ Văn G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/10/2020, bị cáo Đoàn Quang Duy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa P thẩm:

Các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị cấp P thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo, bị cáo G, T một lần nữa thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tại phiên tòa P thẩm hôm nay, các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì mới để xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo. Do vậy, không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp đối với cấp sơ thẩm.

[2]. Với cùng một thủ đoạn gian dối là chiếm đoạt tài khoản facebook, nhắn tin cho các tài khoản facebook khác hỏi vay tiền rồi chuyển vào các tài khoản ngân hàng do các bị cáo tìm mua trên mạng. Sau khi nhận được tiền của những người bị hại, các bị cáo chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 02/2020, Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T cùng đối tượng tên B (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại Phạm Thị Mai H, Trần Thị P, Lê Thị X, Hồ Thị Như T, Phan Mai Khánh U, Phạm Thùy N và Hà Anh T với tổng số tiền chiếm đoạt là 205.000.000 đồng.

Ngoài ra, cùng một thủ đoạn này, ngày 18/02/2020, Đoàn Quang Duy T cùng đối tượng tên Nhỏ (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn T số tiền 33.000.000 đồng.

Cũng trong khoảng thời gian trên, Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T còn

có hành vi tiêu thụ tài sản do các đối tượng tên P, Q (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện hành vi sử dụng mạng máy tính viễn thông lấy thông tin tài khoản của để chiếm đoạt tiền của các bị hại Hoàng Phạm Ngọc S, Phạm PH C và Trần Thị Bích T với tổng số tiền 59.900.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3]. Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 90.000.000 đồng (bị cáo G nộp 45.000.000 đồng; bị cáo T nộp 45.000.000 đồng) để khắc phục thiệt hại cho bị hại, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo G là người rủ rờ bị cáo T phạm tội, số tiền hưởng lợi bất chính của bị cáo T cao hơn bị cáo G.

Tuy nhiên, tại thời điểm bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” khi mới 17 tuổi 03 tháng nên còn hạn chế về khả năng nhận thức nên cần áp dụng Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự khi Q định hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ hình phạt như trên, cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo G 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, bị cáo T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo.

[4]. Tại phiên tòa, các bị cáo không trình bày được các tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài tình tiết các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là trụ cột chính trong gia đình, phải chăm sóc cha mẹ già. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Mặt khác, tại phiên tòa P thẩm xem xét về trách nhiệm dân sự của bị cáo Giải cùng bà Văn Thị H liên đới bồi thường cho bị hại số tiền chiếm đoạt còn lại theo Điều 48 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Đây là điểm thiếu sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5]. Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Đỗ Văn G** và **Đoàn Quang Duy T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

TU bỏ các bị cáo **Đỗ Văn G** và **Đoàn Quang Duy T** phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn G** .05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo **Đỗ Văn G** phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự,

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đoàn Quang Duy T** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo **Đoàn Quang Duy T** phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bà **Văn Thị H** cùng bị cáo **Đỗ Văn Giải** và bị cáo **Đoàn Quang Duy T** phải liên đới trả lại số tiền 195.000.000 đồng cho những người bị hại được khấu trừ số tiền 90.000.000 đồng (đang tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Đắk Nông (theo giấy ủy nhiệm chi ngày 10/9/2020 của Công an tỉnh Đắk Nông và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông) mà gia đình các bị cáo **G** và **T** đã nộp (*G* 45.000.000 đồng; *T* 45.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí hình sự P thẩm: Các bị cáo Đỗ Văn G và Đoàn Quang Duy T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tU án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Bà Văn Thị H;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh